

TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP MÔN TOÁN LỚP 4

ĐỀ BÀI

- CHƯƠNG I: SỐ TỰ NHIÊN, BẢNG ĐƠN VỊ ĐO KHỐI LƯỢNG (2)**
CHƯƠNG II: BỐN PHÉP TÍNH VỚI CÁC SỐ TỰ NHIÊN. HÌNH HỌC (6)
CHƯƠNG III: DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2,5,9,3 (13)
**CHƯƠNG IV: PHÂN SỐ - CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ.
GIỚI THIỆU HÌNH THOI (15)**
**CHƯƠNG V: TỈ SỐ - MỘT SỐ BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỈ SỐ.
TỈ LỆ BẢN ĐỒ. (20)**
CHƯƠNG VI : PHẦN ÔN TẬP (22)

ĐÁP ÁN

(25)

TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP TỔNG HỢP MÔN TOÁN LỚP 4

CHƯƠNG I

SỐ TỰ NHIÊN, BẢNG ĐƠN VỊ ĐO KHỐI LƯỢNG

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số bốn mươi lăm nghìn ba trăm linh tám được viết là:

- A. 45307 B. 45308 C. 45380 D. 45038

Câu 2: Tìm x biết:

a) $x : 3 = 12\ 321$

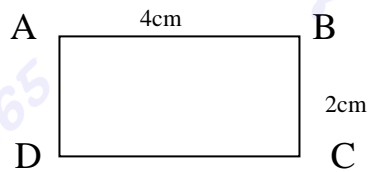
- A. $x = 4107$ B. $x = 417$ C. $x = 36963$ D. $x = 36663$

b) $x \times 5 = 21250$

- A. $x = 4250$ B. $x = 425$ C. $x = 525$ D. $x = 5250$

Câu 3: Tính chu vi hình sau:

- A. 6cm C. 10cm
B. 8cm D. 12cm



Câu 4: Một cửa hàng trong hai ngày bán được 620 kg gạo. Hỏi trong 7 ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo? (Biết rằng số gạo mỗi ngày bán được là như nhau).

- A. 4340 kg B. 434 kg C. 217 kg D. 2170 kg

Câu 5: Điền dấu thích hợp vào ô trống:

- a) $75032 \square 75302 + 12200$ c) $98763 \square 98675 - 33467$
b) $100000 \square 99999$ d) $87652 \square 87652$

Câu 6: Giá trị của biểu thức: $876 - m$ với $m = 432$ là:

- A. 444 B. 434 C. 424 D. 414

Câu 7: Giá trị của biểu thức $8 \times a$ với $a = 100$ là:

- A. 8100 B. 800 C. 1008 D. 1800

Câu 8: Tính chu vi hình vuông cạnh a với $a = 9$ cm

- A. 18 cm B. 81 cm C. 36 cm D. 63 cm

Câu 9: Số 870549 đọc là:

- A. Tám mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi chín.
B. Tám trăm bảy mươi nghìn bốn trăm năm mươi chín.
C. Tám trăm linh bảy nghìn năm trăm bốn mươi chín.
D. Tám trăm bảy mươi nghìn năm trăm bốn mươi chín.

Câu 10: Số bé nhất trong các số sau: 785432; 784532; 785342; 785324 là:

- A. 785432 B. 784532 C. 785342 D. 785234

Câu 11: Các số ở dòng nào được viết theo thứ tự từ bé đến lớn.

- A. 567899; 567898; 567897; 567896.
B. 865742; 865842; 865942; 865043.
C. 978653; 979653; 970653; 980653.
D. 754219; 764219; 774219; 775219.

Câu 12: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- a) $496857 < 497899$ c) $545630 = 554630$
b) $657890 > 658999$ d) $289357 < 290000$

Câu 13: Chữ số 6 trong số 986738 thuộc hàng nào? lớp nào?

- A. Hàng nghìn, lớp nghìn. C. Hàng chục nghìn, lớp nghìn.
B. Hàng trăm, lớp nghìn. D. Hàng trăm, lớp đơn vị.

Câu 14: Số gồm 6 trăm nghìn, 6 trăm, 4 chục và 3 đơn vị viết là:

- A. 664300 B. 606430 C. 600634 D. 600643

Câu 15: Giá trị của chữ số 5 trong số sau: 765430.

- A. 50000 B. 500000 C. 5000 D. 500

Câu 16: Số có 6 chữ số lớn nhất là:

- A. 999999 B. 666666 C. 100000 D. 900000

Câu 17: Số bảy trăm triệu có bao nhiêu chữ số 0:

- A. 7 B. 10 C. 9 D. 8

Câu 18: Đọc số sau: 325600608

- A. Ba trăm hai mươi lăm triệu sáu mươi nghìn sáu trăm linh tám.
B. Ba trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn sáu trăm linh tám.
C. Ba trăm hai mươi lăm triệu sáu nghìn sáu trăm linh tám.
D. Ba trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn sáu trăm tám mươi.

Câu 19: Giá trị của chữ số 8 trong số sau: 45873246.

- A. 8 000 B. 80 000 C. 800 000 D. 8 000 000

Câu 20: Nội mỗi dòng bên trái với mỗi dòng bên phải để được kết quả đúng.

- A. Bảy trăm triệu. 1. 70 000.
B. Bảy chục triệu. 2. 700 000.
C. Bảy trăm nghìn. 3. 700 000 000.
D. Bảy mươi nghìn. 4. 70 000 000

Câu 21: Số tự nhiên liền số: 3004 là:

- A. 3003. B. 3033 C. 3005 D. 3014

Câu 22: Số tự nhiên liền trước số 10001 là:

- A. 10011. B. 10002 C. 10021 D. 10000